

## **Bài 19,20 - Tiết 102**

### **CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI**

**Vũ Khoan**

#### **I. Đọc và tìm hiểu chú thích:**

1. *Tác giả*: Vũ Khoan

2. *Tác phẩm*: Viết đầu năm 2001, khi đất nước ta cùng toàn thế giới bước vào năm đầu tiên của thế kỷ mới

#### **II. Đọc và tìm hiểu văn bản**

##### **1. Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người**

- Con người → động lực phát triển của lịch sử

- nền kinh tế tri thức phát triển → vai trò con người càng nổi trội

⇒ **con người là yếu tố quyết định**

##### **2. Bối cảnh thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước**

- Khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại

- Sự hội nhập sâu rộng giữa các nền kinh tế

- Nước ta giải quyết 3 nhiệm vụ:

• Thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu của nền kinh tế

• Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

• Tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức

⇒ **Vạch ra phương hướng, mục tiêu khi bước vào thế kỷ mới**

##### **3. Những điểm mạnh, điểm yếu của người VN khi bước vào nền kinh tế mới trong thế kỷ mới:**

Điểm mạnh:

- Thông minh, nhạy bén với cái mới

- Cần cù sáng tạo

- Đùm bọc, đoàn kết

Điểm yếu

- Những lỗ hổng về kiến thức cơ bản, khả năng thực hành, sáng tạo bị hạn chế

- Thiếu tỉ mỉ, chưa quen cường độ khẩn trương, không coi trọng quy trình công nghiệp.

- Đố kị

- Kì thị kinh doanh, quen với bao cấp sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói khôn vặt, không coi trọng chữ tín

⇒ **Cái nhìn khách quan, đúng đắn, hợp lý.**

##### **4. Kết luận:**

- Chúng ta phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu.

- Lớp trẻ ... nhận ra điều đó, quen dần với những thói quen tốt đẹp.

### III. Ghi nhớ: SGK trang 30

### IV. Luyện tập: SGK trang 30

#### BT vận dụng

- Tìm thành ngữ, tục ngữ nói về điểm mạnh, điểm yếu của người VN
  - Tìm một số VD về những điểm yếu, thói quen xấu của học sinh VN, nêu nguyên nhân và cách khắc phục.
  - Nắm vững hệ thống các luận điểm.
  - Tập xây dựng một bài văn nghị luận dựa vào các luận điểm trên.
  - Chuẩn bị kĩ bài “ Các thành phần biệt lập”(tiếp)
- 

### Bài 19,20 - Tiết 103

#### CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP (tt)

##### I. Tìm hiểu bài

##### 1. Xét VD trang 31

a. **Này**, bác có biết...

=> *Dùng để gọi ( tạo tập cuộc thoại)*

b. ... **Thưa ông**, chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ

=> *Dùng để đáp trả ( duy trì cuộc thoại)*

=> *Thành phần gọi – đáp*

##### 2. Xét VD trang 31, 32

a/ ... **đứa con gái đầu lòng của anh – và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi**

⇒ *Dùng để bổ sung*

b/ Lão không hiểu, **tôi nghĩ vậy**, và tôi càng buồn lắm  
( Nam Cao, Lão Hạc)

⇒ *Dùng để giải thích*

=> *Thành phần phụ chú*

##### II. Ghi nhớ: SGK / 32

##### III. Luyện tập: ( Làm vở BT)

#### BT vận dụng

- Tập viết các đoạn văn có thành phần phụ chú.
  - Làm bài 5: Viết đoạn văn.
  - Chuẩn bị bài kĩ để chuẩn bị viết bài tập làm văn số 5
  - Xem lại bài “ Cách làm bài văn nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống”
- 

### Bài 21,22 - Tiết 106-107

#### CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGŨ NGÔN CỦA LA PHÔNG – TEN

## Hi – Pô – lit – Ten

### **I. Đọc – Tìm hiểu chú thích:**

1) **Tác giả.** (sgk/40)

2) **Tác phẩm.** (sgk/40)

+Thể loại: Nghị luận văn chương.

### **II. Tìm hiểu văn bản:**

1) **Hai con vật dưới cái nhìn của nhà khoa học Buy-phông:**

+ **Cừu:** “... sợ hãi ... co cụm ... sợ sệt ... hết sức đàn độn ...”

+ **Sói:** “... thù ghét mọi sự kết bè kết bạn ... một bầy chó sói chinh chiến ... lạng lẽ và cô đơn ...”

=> **Nêu chính xác những đặc tính cơ bản.**

2) **Hình tượng chó sói và cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten:**

+ **Cừu:** “tôi – kẻ hèn”; “bệ hạ – ngài”

”tôi nghiệp, buồn rầu và dịu dàng”.

+ **Sói:** “ta”; “mày”

”Độc ác mà cũng khổ sở”.

=> **Nhân cách hoá, tạo tình huống đặc biệt nhằm khắc họa tính cách nv.**

3) **Nhận định của Hi-pô-lit Ten:**

a) **Buy-phông:**

+ **Cừu:** “... ngu ngốc và sợ sệt ...”

+ **Sói:** “... bạo chúa khát máu ...”

=> **bi kịch của sự độc ác**

b) **La Phông-ten:**

+ **Cừu:** “... thân thương và tốt bụng ... lòng thương cảm với bao nỗi buồn rầu và tốt bụng như thế ...”

+ **Sói:** “... vụng về ... đói meo ... hóa rồ ...”

=> **hài kịch của sự ngu ngốc**

### **III. Ghi nhớ:** (Sgk/41)

---

### **Bài 20,21,22 - Tiết 108**

#### **NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG , ĐẠO LÍ .**

### **I/ Tìm hiểu bài :**

VD : Văn bản “Tri thức là sức mạnh” . ( SGK/34-35 )

a/ Bàn về giá trị của tri thức khoa học và người trí thức .

b/ Chia 3 phần :

+ **Mở bài :**

Đoạn 1 : Nêu vấn đề .

+ **Thân bài :**

Đoạn 2 : Chứng minh tri thức là sức mạnh .

\* Tri thức có thể cứu một cái máy khỏi số phận một đồng phế liệu .

\* Tri thức là sức mạnh của CM , Bác Hồ đã thu hút nhiều nhà tri thức lớn theo Người tham gia đóng góp cho cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ thành công .

+ **Kết bài :**

Đoạn 4 : Phê phán một số người không biết quý trọng tri thức , sử dụng không đúng chỗ

c/

- Nhà khoa học ... tư tưởng ấy .

-Tri thức ... bị hỏng .

- Tiền tìm ... được không ! ?

- Tri thức ... cách mạng .

- Tri thức ... tri thức .

- Họ ... lĩnh vực !

d/ Chứng minh

- Dùng sự thực để nêu một vấn đề tư tưởng , phê phán tư tưởng không biết trọng tri thức , dùng sai mục đích

e/ So sánh :

<b>Nghị luận về một sự việc , hiện tượng .</b>	<b>Nghị luận về một vấn đề tư tưởng , đạo lí .</b>
Từ sự việc , hiện tượng đời sống mà nêu ra những vấn đề tư tưởng .	Dùng giải thích , chứng minh làm sáng tỏ các tư tưởng , đạo lí quan trọng đối với đời sống con người .

**II/ Ghi nhớ: SGK/36**

**III/ Luyện tập : Bài làm tại lớp .**

- Bài Tập SGK:” Thời gian là vàng”

(1) Kiểu văn bản nghị luận: nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí

(2) Vấn đề nghị luận: giá trị của thời gian

(3) Luận điểm ( bố cục):

- Mở bài: thời gian là vô giá

- Thân bài:

+ Thời gian là sự sống

+ Thời gian là thắng lợi

+ Thời gian là tiền

+ Thời gian là tri thức

- Kết bài: Phải biết tận dụng thời gian để làm được nhiều việc có ích, đừng bỏ phí thời gian

(4) Các phép lập luận chủ yếu: phân tích và chứng minh

- Các luận điểm được triển khai theo cách phân tích những biểu hiện chứng tỏ thời gian là vàng
- Sau mỗi luận điểm là dẫn chứng, chứng minh cho luận điểm

→ Sức thuyết phục cao

---

## **Bài 20,21,22 - Tiết 109,110**

### **LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

#### **I/ Tìm hiểu bài :**

##### **1. Khái niệm liên kết .**

VD : Đoạn văn “ Tiếng nói của văn nghệ” Nguyễn Đình Thi .

- Bàn về cách người nghệ sĩ phản ánh thực tại qua tác phẩm văn nghệ
- Chủ đề chung của văn bản: nội dung phản ánh của văn nghệ

==>**liên kết về nội dung**

\_ Câu 1 : Tác phẩm nghệ thuật phản ánh thực tại .

\_ Câu 2 : Khi phản ánh thực tại , nghệ sĩ muốn nói lên một điều mới mẻ .

\_ Câu 3 : Cái mới mẻ ấy là lời gửi của một nghệ sĩ đến cuộc sống.

==> **Các nội dung này đều hướng vào chủ đề của đoạn văn . Trình tự các ý đều hợp logic .**

- Phép lặp

- Phép thế

- Phép nối

- Phép liên tưởng

==> **Liên kết về hình thức:**

#### **II/ Ghi nhớ: SGK/43**

#### **III/ Luyện tập :**

##### **Bài 1/43 :**

- Khẳng định năng lực trí tuệ của con người VN và quan trọng hơn là những hạn chế cần khắc phục . Đó là sự thiếu hụt về kiến thức , khả năng thực hành và sáng tạo yếu do cách học thiếu thông minh gây ra .

- Nội dung các câu văn đều tập trung vào chủ đề đó . Trình tự sắp xếp hợp lý của các ý trong các câu :

+ Mặt mạnh của trí tuệ VN .

+ Những điểm hạn chế .

+ Cần khắc phục hạn chế để đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế mới .

-Bằng những phép liên kết :

+ Bản chất trời phú ấy ( phép thế )

+ Nhưng ( phép nối )

+ Ấy ( phép thế )

- + lỗi hồng ( phép lặp)
- + thông minh ( phép lặp)

### **Bài 1/49**

a/ Phép liên kết câu và liên kết đoạn văn :

- **Trường học** \_ trường học ( lặp , liên kết câu )
- **như thế** thay thế cho câu cuối ở đoạn trước ( thế , liên kết đoạn văn )

b/ Phép liên kết câu và đoạn văn :

- Văn nghệ – văn nghệ ( lặp , liên kết câu )
- sự sống – Sự sống ; văn nghệ – Văn nghệ ( lặp , liên kết đoạn văn )

c/ Phép liên kết câu :

- thời gian – thời gian – thời gian ; con người – con người – Con người ( lặp )

d/ Phép liên kết câu :

- yếu đuối – mạnh ; hiền lành – ác ( trái nghĩa )

### **Bài 2/50**

Các cặp từ ngữ trái nghĩa theo yêu cầu của đề :

- + ( Thời gian ) vật lý \_ ( thời gian ) tâm lý .
- + vô hình – hữu hình .
- + giá lạnh – nóng bỏng .
- + thẳng tắp – hình tròn
- + đều đặn \_ lúc nhanh lúc chậm .

**Bài 3/50.** Xác định lỗi và sửa lỗi liên kết nội dung:

a/ Lỗi về liên kết nội dung : Các câu không phục vụ chủ đề chung của đoạn văn .

CHỮA :

Thêm một số từ ngữ hoặc câu để thiết lập liên kết chủ đề giữa các câu .

Ví dụ :

Cắm đi một mình trong đêm . Trận địa đại đội 2 của anh ở phía bãi bồi bên một dòng sông . Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc hai bố con anh cùng viết đơn xin ra mặt trận . Bây giờ, mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối” .

b/ Lỗi về liên kết nội dung : Trật tự các sự việc nêu trong các câu không hợp lý .

CHỮA :

Thêm trạng ngữ chỉ thời gian vào câu 2 để làm rõ mối quan hệ thời gian giữa các sự kiện .

Ví dụ :

**Suốt hai năm anh ấy ốm nặng , chị làm quần quật ...**

Bài 4/51 Lỗi về liên kết hình thức .

a/ Lỗi : Dùng từ ở câu 2 và câu 3 không thống nhất

SỬA :

Thay đại từ **nó** bằng đại từ **chúng** .

b/ Lỗi : Từ văn phòng và từ hội trường không cùng nghĩa với nhau trong trường hợp này .

SỬA :

Thay từ *hội trường* ở câu 2 bằng từ *văn phòng*

### **BT vận dụng**

- Làm bài tập hoàn chỉnh.
- Tập viết các đoạn văn đảm bảo sự liên kết nội dung, hình thức.
- Sưu tầm các Ví dụ tương tự và chỉ ra các phép liên kết.
- Soạn bài “Con Cò”.

---

## **Bài 22 - Tiết 111**

### **TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: CON CÒ (Chế Lan Viên)**

#### **I. Đọc và tìm hiểu chú thích: SGK**

#### **II. Tìm hiểu văn bản**

##### **1.ND**

##### **a. Hình ảnh con cò qua đoạn I.**

- Lời giới thiệu hình ảnh con cò một cách tự nhiên, hợp lý qua những lời ru của mẹ
- Tác giả muốn thể hiện ý lời ru con gắn với cánh cò bay. Lời ru ấy cứ dần thấm vào tâm hồn con, tự nhiên mà sâu sắc.

**=> Con được vỗ về, chở che trong lời ru ngọt ngào và tình yêu sâu lắng của mẹ**

##### **b. Hình ảnh con cò qua đoạn II**

- Cánh cò từ trong lời ru của mẹ đã đi vào tiềm thức của tuổi thơ trở nên gần gũi, thân thiết và sẽ theo con người trong suốt cuộc đời, trên mỗi chặng đường đời.

**=> Hình ảnh cò được gợi ý biểu tượng về lòng mẹ, về sự dịu dặt, nâng đỡ dịu dàng bền bỉ của người mẹ. Hình ảnh cò đi vào tiềm thức của tuổi thơ và trở thành bạn đồng hành của con người trong suốt cuộc đời.**

##### **c. Hình ảnh cò qua đoạn III.**

- Hình ảnh con cò được nhấn mạnh ở ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng người mẹ. Từ đó nhà thơ khái quát mọi qui luật của tình cảm có ý nghĩa bền vững, rộng lớn và sâu sắc: Con dù lớn: đối với người mẹ, đứa con bao giờ cũng bé bỏng, non nớt cần được chở che, dịu dặt

**=> Một qui luật tính chất có ý nghĩa bền vững và sâu sắc muôn đời.**

##### **2. Nghệ thuật.**

- Vận dụng sáng tạo ca dao.
- Giọng điệu suy ngẫm triết lý .
- Âm hưởng lời ru.
- Thể thơ tự do.

- Hình ảnh ẩn dụ, liên tưởng tưởng tượng.

### **III. Luyện tập: SGK trang 48,49**

#### **Bài 22 - Tiết 112,113**

### **CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TU TƯỞNG – ĐẠO LÝ**

#### **I. TÌM HIỂU BÀI**

##### **1. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng . đạo lí.**

- Bàn về vấn đề tư tưởng, đạo lí, cuộc sống con người.

- Các đề tương tự:

“Không thầy đố mày làm nên”

“An quả nhớ kẻ trồng cây”

##### **2. Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.**

###### **B1- Tìm hiểu đề**

- Xác định nội dung và tính chất của đề bài yêu cầu.

###### **B2- Tìm ý:**

- Dựa vào nội dung đặt thành câu hỏi và trả lời các câu hỏi để tìm ý chính, ý phụ cho bài văn.

- Các ý phải sắp xếp mạch lạc, lập luận chặt chẽ.

###### **B3 Lập dàn bài:**

a) **Mở bài** :Giới thiệu câu tục ngữ và nêu tư tưởng của nó.

###### **b) Thân bài:**

- Giải thích nội dung câu tục ngữ ( giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng)

- Đánh giá nội dung câu tục ngữ. (Đúng-Sai)

- Khẳng định vấn đề đúng - Sai.

- Phê phán hiện tượng sai trái đối với câu tục ngữ.

###### **c) Kết bài:**

- Khẳng định một truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Nêu ý nghĩa của câu tục ngữ đối với ngày hôm nay.

###### **B4- Viết bài:**

###### **a) Mở bài:**

- Tục ngữ là túi khôn nhân loại. Tục ngữ thể hiện truyền thống đạo lí của người Việt Nam.

- “Uống nước nhớ nguồn” là câu tục ngữ nhắc nhở mọi người nên biết ơn, trân trọng, gìn giữ...những ai đã làm ra thành quả cho chúng ta hưởng thụ.

###### **b) Thân bài:**

\* Giải thích nội dung:

- Câu tục ngữ được trình bày ngắn gọn mà ý nghĩa thật sâu sắc.

- “Uống nước” tượng trưng người hưởng thụ thành quả.



-Nguồn : nguồn gốc. Cội nguồn của tất cả những thành quả mà con người được hưởng.

-Nhớ nguồn: Nhắc nhở người hưởng thụ phải biết tri ân, gìn giữ, phát huy các thành quả của người làm ra chúng.

\* Đánh giá nội dung câu tục ngữ.

+ Luận điểm 1:

**Mọi sự vật đều có nguồn gốc.**

-Luận cứ

. Công sức con người làm của cải, vật chất, tinh thần.

.Đền đài, lăng tẩm, tiếng nói, thơ ca, nhạc họa, đến vài vóc tập vở đều do công sức con người tạo ra.

.Nhớ ơn là nghĩa vụ, bổn phận.

+ Luận điểm 2

\* **Nhớ ơn là nét đẹp đạo lí của người Việt Nam .**

- Luận cứ:

- Không quên tổ tiên, nòi giống biết bảo vệ quê hương, tổ quốc. Mùng 10-3 Giỗ tổ Hùng Vương.

- Không quên những người chiến sĩ, hi sinh; những người dạy dỗ, giúp đỡ mình (27/7 thương binh liệt sĩ, 20/11 ngày nhà giáo)

- Không quên ông bà, cha mẹ( công cha như núi Thái Sơn ...)

-Vấn đề đúng

\* Phê phán những kẻ vô ơn:

. “Có mới nới cũ”, “ăn cháo đá bát”, “qua cầu rút ván”.

+ Luận điểm 3:

**Phải biết công hiến và phát huy là “nhớ nguồn” thiết thực.**

+ Luận cứ

. Học tập tốt góp phần công hiến làm nên những thành quả cho lớp người đi sau.

.Người sống biết tri ơn, là người có nhân cách đẹp góp phần phát triển xã hội.

**c) Kết bài:**

.Câu tục ngữ khẳng định đạo lí tốt đẹp của người Việt Nam.

.Cần sống thủy chung, có tình có nghĩa, có trước có sau.

**5/ Đọc lại bài viết và sửa chữa.**

.Chú ý liên kết câu, đoạn.

.Lỗi chính tả.

**II. GHI NHỚ** ( SGK trang 54)

**III. LUYỆN TẬP:**

**Lập dàn bài**

Giải thích rõ thế nào là tự học và cần có tinh thần tự học như thế nào?

**1) Mở bài:**

-Học tập là một việc làm suốt đời.

-Tự học là một vấn đề quan trọng và mới mẻ.Cần hiểu và cần có tinh thần tự học như thế nào?

## **2) Thân bài:**

a- Giải thích:

-Tự vận động trí tuệ ôn luyện những kiến thức đã học tập được vào thực hành.

-Tự học là học tập một cách tự giác, tích cực chủ động, sáng tạo và có hiệu quả nhất.

b) Nhận xét đánh giá vấn đề

-Phương pháp tự học đa dạng, phong phú ( Học- hỏi, học –ôn)

-Tự học là phương pháp học hữu hiệu, tiên tiến nhất.

-Cần tự giác, tích cực chủ động, tự học trong học bài, làm bài, đọc sách, nghe giảng.

-Không tự học thì không có kết quả cao. Đó là cách học thụ động.

-Học mà không tự học cũng như học mà không hành.

( Dẫn lời Bác Hồ)

-Hiện nay, tự học là một vấn đề được mọi người quan tâm nên nhớ: “Bác học không phải là ngừng học”

“Đi một ngày đàng học một sàng khôn”

## **c) Kết bài:**

-Tự học là điều kiện tốt cho mỗi người học sinh tiến bộ.

-Mỗi người cần ý thức tự học

### Dẫn dò

**1. HS hoàn tất 3 đề văn ( Bài viết văn số 5) gv đã cho**

**2. Học thuộc lòng 4 bài thơ:**

- Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải
- Viếng lăng Bác - Viễn Phương
- Sang thu - Hữu Thỉnh
- Nói với con - Y Phương